

Số: 679/2024/QĐ-GDU

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ Đại học  
Ngành Kinh doanh quốc tế - Mã ngành 7340120

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 31/07/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học tư thục Công nghệ - Thông tin Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/10/2016 về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 20/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học tư thục Công nghệ - Thông tin Gia Định thành Trường Đại học Gia Định;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 186/2023/GDU/QĐ-HT ngày 29/9/2024 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm chức danh Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 1727/2023/GDU/QĐ-HT ngày 5/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định về việc Ban hành quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định, ban hành chuẩn đầu ra và CTĐT trình độ đại học tại Trường Đại học Gia Định;

Căn cứ Biên bản họp số 41/2024/BB-GDU ngày 11/06/2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Gia Định;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý khoa học và Trưởng khoa Khoa Kinh tế - Quản trị.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Kinh doanh quốc tế - Mã ngành 7340120”.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý khoa học, Trưởng các Khoa, Bộ môn; Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT&QLKH.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
GIA ĐỊNH

Nguyễn Văn Hiến

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIA ĐỊNH**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH: KINH DOANH QUỐC TẾ**

**KHÓA 18/2024**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 679/2024/QĐ-GDU ngày 26 tháng 06 năm 2024  
của Hiệu Trưởng Trường Đại học Gia Định)*

**TP. Hồ Chí Minh, tháng 06 năm 2024**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
Ngành: Kinh doanh Quốc tế  
Khóa: 18/2024

**I. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

1.1	Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt)	Kinh doanh Quốc tế
	Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh)	International Business
1.2	Mã ngành đào tạo	7340120
1.3	Hình thức đào tạo	Chính quy
1.4	Thời gian đào tạo	08 học kỳ
1.5	Đối tượng tuyển sinh	Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường
1.6	Số tín chỉ người học phải tích lũy	120
1.7	CTĐT được tham chiếu đối sánh khi xây dựng chương trình đào tạo	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân Trường Đại Học Thương Mại Trường Đại Học Đà Nẵng Đại học Chicago Viện Công nghệ Massachusetts Đại học California, Berkeley
1.8	Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	Đã kiểm định cấp cơ sở theo QĐ số 138/QĐ-KĐCLGD ngày 24/5/2021.
1.9	Khoa quản lý Chương trình đào tạo	Kinh tế - Quản trị

**II. Triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mệnh**

**2.1 Sứ mệnh**

Đào tạo công dân số - Kiến tạo tương lai

**2.2 Tầm nhìn**

Trở thành đại học dẫn đầu về chuyên đổi số

**2.3 Triết lý giáo dục**

“Chọn lọc - Ứng dụng – Đại chúng”



### III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

#### 3.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

Đào tạo cử nhân Kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, điều hành các loại hình doanh nghiệp kinh doanh quốc tế trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; về quản trị kinh doanh quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế thành thạo về tiếng Anh và có kỹ năng tổ chức các hoạt động kinh doanh quốc tế như: quản trị thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế và mạng sản xuất toàn cầu tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc kinh doanh quốc tế; có cơ hội tiếp tục học tập nghiên cứu ở các bậc đào tạo cao hơn.

##### ❖ *Mục tiêu về kiến thức:*

- **Hiểu biết sâu sắc về Kinh doanh Quốc tế:** Sinh viên sẽ hiểu được các khía cạnh quan trọng của kinh doanh quốc tế như thị trường toàn cầu, quy định thương mại quốc tế và văn hóa doanh nghiệp.

- **Kiến thức vững vàng về kinh doanh và quản lý:** Sinh viên sẽ học về các nguyên lý quản lý và các phương pháp kinh doanh hiện đại áp dụng cho môi trường kinh doanh quốc tế.

- **Hiểu biết sâu rộng về thị trường toàn cầu:** Sinh viên sẽ được giáo dục về cách thức thực hiện nghiên cứu thị trường toàn cầu, phân tích cạnh tranh, và xây dựng chiến lược kinh doanh quốc tế.

##### ❖ *Mục tiêu về kỹ năng:*

- **Kỹ năng lãnh đạo và quản lý dự án:** Sinh viên sẽ được trang bị các kỹ năng quản lý dự án, lãnh đạo nhóm và quản lý nguồn lực cần thiết để thành công trong vai trò lãnh đạo và quản lý.

- **Kỹ năng tiếp thị và bán hàng toàn cầu:** Sinh viên sẽ học về cách tiếp cận và tương tác với khách hàng toàn cầu, và phát triển kỹ năng tiếp thị và bán hàng phù hợp với nhu cầu và mong muốn của thị trường quốc tế. ✓



❖ **Mục tiêu về Mức tự chủ và trách nhiệm**

- **Năng lực làm việc đa văn hóa:** Chương trình sẽ giúp sinh viên phát triển khả năng làm việc và giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và đa dạng về ngôn ngữ, văn hóa và quy định pháp lý.

- **Sự nhận thức về đạo đức và bền vững:** Sinh viên sẽ hiểu về tầm quan trọng của việc thực hiện kinh doanh một cách đạo đức và bền vững, cũng như các vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội và môi trường.

- **Trải nghiệm thực tế:** Chương trình cũng cung cấp cơ hội cho sinh viên thực tập và trải nghiệm làm việc thực tế trong các công ty quốc tế, giúp họ áp dụng kiến thức được học vào thực tiễn và phát triển mạnh mẽ trong sự nghiệp của mình.

Mã CDR	Mục tiêu của CTĐT (POs)
PO1	<b>Hiểu biết về Kinh doanh Quốc tế:</b> Cung cấp kiến thức về các nguyên lý cơ bản và thực tiễn của kinh doanh quốc tế, bao gồm cả quản lý, marketing, tài chính, và quan hệ quốc tế.
PO2	<b>Phát triển kỹ năng quản lý đa quốc gia:</b> Học cách quản lý các hoạt động kinh doanh và nhân sự trên phạm vi toàn cầu, đồng thời hiểu và thích ứng với các vấn đề pháp lý và văn hóa khác nhau; <b>Nâng cao khả năng giao tiếp đa văn hóa:</b> Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, bao gồm cả việc làm việc với đồng nghiệp và khách hàng từ các nền văn hóa và ngôn ngữ khác nhau.
PO3	<b>Tạo ra các chiến lược kinh doanh quốc tế:</b> Phát triển khả năng phân tích thị trường quốc tế, đánh giá cạnh tranh và xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp với môi trường toàn cầu. <b>Học về quy định và thị trường quốc tế:</b> Hiểu rõ về quy định thương mại quốc tế, thị trường và thỏa thuận thương mại tự do, cũng như vấn đề về thuế và tài chính quốc tế.
PO4	<b>Khuyến khích sáng tạo và đổi mới:</b> Tạo điều kiện cho sinh viên phát triển tư duy sáng tạo và thái độ đổi mới trong môi trường kinh doanh toàn cầu đang thay đổi liên tục.
PO5	<b>Trải nghiệm thực tế và thực hành:</b> Cung cấp cơ hội cho sinh viên thực tập và làm việc thực tế trong các tổ chức quốc tế, giúp họ áp dụng kiến thức và kỹ năng được học vào thực tế kinh doanh.
PO6	<b>Nhấn mạnh vào giá trị đạo đức và bền vững:</b> Khuyến khích sinh viên thực hiện kinh doanh một cách đạo đức và bền vững, xem xét các yếu tố nhân văn và môi trường trong quá trình ra quyết định

### 3.2 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ đạt được theo thang đo Bloom
<b>Kiến thức</b>		
PLO1	Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của kinh tế quốc tế, bao gồm thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, và các hợp đồng thương mại quốc tế; Hiểu biết về các vấn đề quản lý nhân sự trong môi trường đa văn hóa và khả năng làm việc hiệu quả với nhóm đa dạng về văn hóa; Hiểu biết về các yếu tố văn hóa và lịch sử ảnh hưởng đến hành vi kinh doanh và quản lý toàn cầu.	2
PLO2	Kiến thức về quản lý thương hiệu toàn cầu, phân tích thị trường quốc tế, và các chiến lược tiếp thị quốc tế; Kiến thức về quản lý thương hiệu toàn cầu, phân tích thị trường quốc tế, và các chiến lược tiếp thị quốc tế; Kiến thức về kế toán quốc tế, phân tích tài chính, quản lý ngân sách và đánh giá dự án đa quốc gia; Kiến thức về các quy định thương mại quốc tế, luật lao động quốc tế và quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường kinh doanh quốc tế.	3
PLO3	Nắm vững các phương pháp phân tích thị trường toàn cầu và xây dựng chiến lược kinh doanh quốc tế; Khả năng giao tiếp hiệu quả trong ít nhất một ngôn ngữ ngoại ngữ phổ biến, thường là tiếng Anh, và hiểu biết về các văn hóa kinh doanh khác nhau trên thế giới.	4
<b>Kỹ năng</b>		
PLO4	<b>Kỹ năng giao tiếp đa văn hóa:</b> Khả năng giao tiếp một cách hiệu quả với đồng nghiệp và khách hàng từ các nền văn hóa và ngôn ngữ khác nhau.	2 3
PLO5	<b>Kỹ năng lãnh đạo và quản lý nhóm:</b> Khả năng lãnh đạo nhóm đa văn hóa và quản lý các dự án đa quốc gia; Khả năng làm việc hiệu quả trong các nhóm đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ.	4
PLO6	<b>Kỹ năng phân tích và đánh giá:</b> Khả năng phân tích và đánh giá thông tin, dữ liệu và xu hướng kinh doanh toàn cầu.	3 4
PLO7	<b>Kỹ năng quản lý thời gian, ưu tiên và giải quyết vấn đề:</b> Khả năng quản lý thời gian và ưu tiên công việc để hoàn thành các nhiệm vụ kinh doanh một cách hiệu quả; Khả năng nhận biết, phân tích và giải quyết các vấn đề kinh doanh phức tạp trong môi trường quốc tế.	3
PLO8	<b>Kỹ năng tiếp thị, bán hàng thuyết trình và thuyết phục:</b> Khả năng phát triển và thực hiện các chiến lược tiếp thị và bán hàng phù hợp	3



Chuẩn đầu ra (PLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ đạt được theo thang đo Bloom
	với thị trường toàn cầu; Khả năng thuyết trình và thuyết phục một cách hiệu quả trước công chúng và đối tác kinh doanh quốc tế.	
PLO9	<b>Kỹ năng tư duy sáng tạo và đổi mới:</b> Khả năng đưa ra ý tưởng sáng tạo và thúc đẩy đổi mới trong môi trường kinh doanh quốc tế.	3 6
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
PLO10	<b>Mức độ tự quản lý:</b> Sinh viên có khả năng tự quản lý thời gian, nguồn lực và công việc hằng ngày; Biết cách lập kế hoạch và tự chủ trong việc hoàn thành các nhiệm vụ và dự án.	2 3
PLO11	<b>Trách nhiệm cá nhân và tư duy độc lập:</b> Sinh viên chịu trách nhiệm với việc hoàn thành nhiệm vụ và nội dung học tập được giao; Hiểu rõ về ý nghĩa và tầm quan trọng của trách nhiệm cá nhân đối với sự phát triển cá nhân và thành công trong môi trường kinh doanh quốc tế; Sinh viên có khả năng suy nghĩ và ra quyết định độc lập, dựa trên việc phân tích thông tin và đánh giá tình hình; Không ngần ngại thể hiện ý kiến cá nhân và đề xuất giải pháp cho các vấn đề kinh doanh.	2
PLO12	<b>Trách nhiệm xã hội, đạo đức, tinh thần cống hiến và chủ động:</b> Sinh viên hiểu và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức và trách nhiệm xã hội trong môi trường kinh doanh quốc tế; Xem xét các hậu quả đạo đức và xã hội của quyết định kinh doanh và hành động của mình; Sinh viên có tinh thần cống hiến và sẵn lòng đóng góp vào hoạt động của nhóm và cộng đồng; Tự chủ và chủ động trong việc tìm kiếm cơ hội học tập và phát triển bản thân.	3 6

### 3.3 Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1.	<b>Hiểu biết về Kinh doanh Quốc tế:</b> Cung cấp kiến thức về các nguyên lý cơ bản và thực tiễn của kinh doanh quốc tế, bao gồm cả quản lý, marketing, tài	X	X	X	X									



TT	Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	chính, và quan hệ quốc tế.												
2.	<p><b>Phát triển kỹ năng quản lý đa quốc gia:</b> Học cách quản lý các hoạt động kinh doanh và nhân sự trên phạm vi toàn cầu, đồng thời hiểu và thích ứng với các vấn đề pháp lý và văn hóa khác nhau;</p> <p><b>Nâng cao khả năng giao tiếp đa văn hóa:</b> Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, bao gồm cả việc làm việc với đồng nghiệp và khách hàng từ các nền văn hóa và ngôn ngữ khác nhau.</p>		X	X	X								
3.	<p><b>Tạo ra các chiến lược kinh doanh quốc tế:</b> Phát triển khả năng phân tích thị trường quốc tế, đánh giá cạnh tranh và xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp với môi trường toàn cầu.</p> <p><b>Học về quy định và thị trường quốc tế:</b> Hiểu rõ về quy định thương mại quốc tế, thị trường và thỏa thuận thương mại tự do, cũng như vấn đề về thuế và tài chính quốc tế.</p>					X	X	X	X	X			
4.	<p><b>Khuyến khích sáng tạo và đổi mới:</b> Tạo điều kiện cho sinh viên phát triển tư duy sáng tạo và thái độ đổi mới trong môi trường kinh doanh toàn cầu đang thay đổi liên tục.</p>					X	X	X	X	X			

11/2021/11



TT	Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
5.	<b>Trải nghiệm thực tế và thực hành:</b> Cung cấp cơ hội cho sinh viên thực tập và làm việc thực tế trong các tổ chức quốc tế, giúp họ áp dụng kiến thức và kỹ năng được học vào thực tế kinh doanh.											X	X	X
6.	<b>Nhấn mạnh vào giá trị đạo đức và bền vững:</b> Khuyến khích sinh viên thực hiện kinh doanh một cách đạo đức và bền vững, xem xét các yếu tố nhân văn và môi trường trong quá trình ra quyết định											X	X	X

### 3.4 Vị trí việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

#### 3.4.1 Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp với bằng cử nhân Kinh doanh Quốc tế, sinh viên có nhiều cơ hội để phát triển sự nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác nhau ở cả trong và ngoài nước. Dưới đây là một số ví dụ về các vị trí làm việc mà sinh viên có thể theo đuổi:

##### **Nhân viên Kinh doanh Quốc tế:**

Các vị trí này có thể bao gồm nhân viên tiếp thị quốc tế, nhân viên bán hàng quốc tế, hoặc các chuyên viên kinh doanh quốc tế trong các công ty có hoạt động quốc tế.

##### **Chuyên viên Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng:**

Với kiến thức về quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, sinh viên có thể làm việc trong các vị trí liên quan đến vận chuyển, lưu trữ, và quản lý rủi ro trong chuỗi cung ứng.

##### **Chuyên viên Tài chính Quốc tế:**

Sinh viên có thể làm việc trong các vị trí như chuyên viên phân tích tài chính quốc tế, kế toán quốc tế hoặc quản lý rủi ro tài chính toàn cầu.

##### **Chuyên viên Tiếp thị Quốc tế:**

Với kiến thức về tiếp thị quốc tế, sinh viên có thể làm việc trong các vị trí như chuyên viên quảng cáo trực tuyến, quản lý thương hiệu quốc tế, hoặc phát triển kinh doanh quốc tế.

### **Chuyên viên Quan hệ Quốc tế:**

Các vị trí như chuyên viên quan hệ công chúng quốc tế, chuyên viên quan hệ doanh nghiệp quốc tế, hoặc chuyên viên ngoại giao kinh doanh là một lựa chọn phù hợp.

### **Chuyên viên Thương mại Quốc tế:**

Các vị trí như chuyên viên xuất nhập khẩu, chuyên viên định giá hải quan, hoặc chuyên viên hợp đồng quốc tế đều là những lựa chọn mà sinh viên có thể xem xét.

### **Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp Quốc tế:**

Sinh viên có thể làm việc trong các vị trí như chuyên viên phát triển thị trường quốc tế, chuyên viên mở rộng doanh nghiệp quốc tế, hoặc chuyên viên dự án quốc tế.

### **Chuyên viên Dự án Quốc tế:**

Các vị trí như quản lý dự án quốc tế, chuyên viên phát triển dự án quốc tế, hoặc chuyên viên tư vấn dự án quốc tế cũng có thể là lựa chọn phù hợp.

Các công ty đa quốc gia, tổ chức phi chính phủ, tổ chức phi lợi nhuận, các cơ quan quản lý quốc gia và quốc tế, cũng như các doanh nghiệp đang mở rộng quy mô quốc tế thường là những nơi mà sinh viên có thể tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

### **3.4.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác.

Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác như:

#### **Tiếp tục học tập chuyên sâu:**

Sinh viên có thể tiếp tục học lên các chương trình học cao hơn như thạc sĩ hoặc tiến sĩ trong các lĩnh vực liên quan như quản trị kinh doanh quốc tế, tiếp thị toàn cầu, quản lý chuỗi cung ứng, hay tài chính quốc tế.

#### **Tham gia các khóa học chuyên ngành:**

Các khóa học ngắn hạn hoặc trung hạn có thể giúp sinh viên cập nhật kiến thức mới nhất trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế, bao gồm cả các xu hướng mới, công nghệ mới, và phương pháp quản lý mới.

#### **Chứng chỉ và chứng nhận ngành nghề:**

Sinh viên có thể tham gia các chương trình chứng chỉ và chứng nhận liên quan đến



lĩnh vực kinh doanh quốc tế như quản lý dự án, phân tích tài chính, hoặc tiếp thị quốc tế để tăng cường năng lực và sức cạnh tranh trên thị trường lao động.

**Tham gia các khóa đào tạo và hội thảo:**

Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo, và sự kiện ngành nghề sẽ giúp sinh viên mở rộng mạng lưới giao tiếp, kết nối với các chuyên gia và doanh nhân trong lĩnh vực, cũng như cập nhật thông tin mới nhất.

**Tìm kiếm kinh nghiệm thực tế:**

Sinh viên có thể tìm kiếm cơ hội thực tập hoặc làm việc tại các công ty quốc tế, tổ chức phi chính phủ, hoặc các tổ chức quốc tế để tích lũy kinh nghiệm thực tiễn và phát triển kỹ năng.

**Đọc sách và nghiên cứu tự học:**

Việc đọc sách, nghiên cứu các tài liệu, bài báo, và các nguồn thông tin trực tuyến liên quan đến lĩnh vực kinh doanh quốc tế là một cách hiệu quả để cập nhật kiến thức và tự nâng cao trình độ.

**Tham gia cộng đồng chuyên ngành:**

Sinh viên có thể tham gia các cộng đồng chuyên ngành trên mạng xã hội, diễn đàn trực tuyến, hoặc các tổ chức chuyên nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi từ những người có kinh nghiệm và mở rộng mạng lưới quan hệ.

**3.5. Điều kiện tốt nghiệp**

- Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định bởi Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Gia Định;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh;

- Có kết quả đạt môn Giáo dục thể chất;

- Có đơn đề nghị xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp trước hạn hoặc trễ hạn so với thời gian thiết kế của khóa học.

- Đáp ứng điều kiện về ngoại ngữ, tin học theo quy định của Trường Đại học Gia Định.

**IV. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo**

**4.1 Cấu trúc chương trình đào tạo**

TT	Khối kiến thức	Tổng số TC	Số TC bắt buộc và tự chọn	
			Bắt buộc	Tự chọn
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương	44	44	-
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	76	61	15
1.	Kiến thức cơ sở ngành	21	18	3
2.	Kiến thức ngành	27	21	6
3.	Kiến thức chuyên ngành	18	12	6
4.	Thực tập tốt nghiệp	10	10	-
	<b>Tổng số</b>	<b>120</b>	<b>105</b>	<b>15</b>

**4.2 Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức**  
**Khung chương trình đào tạo**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
<b>I. Khối kiến thức giáo dục đại cương (44 TC)</b>								
<b>1.1. Lý luận chính trị</b>			<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>			
1.	00113018	Triết học Mác Lênin	3	3	0	BB		
2.	00112006	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	2	0	BB		
3.	00112001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	BB		
4.	00112021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	BB		
5.	00112008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	BB		
<b>1.2. Khoa học xã hội</b>			<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>			
6.	00113010	Pháp luật đại cương	3	3	0	BB		
<b>1.3. Giáo dục thể chất (không tích lũy)</b>			<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>			
7.	00113005	Giáo dục thể chất	3	0	3	BB		
<b>1.4. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)</b>			<b>8</b>	<b>0</b>	<b>8</b>			
8.	00118004	Giáo dục quốc phòng-an ninh	8	0	8	BB		
<b>1.5. Ngoại ngữ - Tin học (không chuyên)</b>			<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>			
9.	00113014	Tiếng Anh 1	3	2	1	BB		
10.	00113015	Tiếng Anh 2	3	2	1	BB		
11.	00113016	Tiếng Anh 3	3	2	1	BB		
12.	00113021	Tiếng Anh 4	3	2	1	BB		
13.	00113022	Tiếng Anh 5	3	2	1	BB		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
14.	00113023	Khoa học máy tính và chuyển đổi số	3	2	1	BB		
<b>1.6 Kiến thức đại cương theo khối ngành (kiến thức cơ bản của khối ngành)</b>			<b>12</b>	<b>11</b>	<b>1</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>12</b>	<b>11</b>	<b>1</b>			
15.	00113024	Toán cao cấp	3	3	0	BB		
16.	17113016	Kinh tế vi mô	3	3	0	BB		
17.	17113017	Kinh tế vĩ mô	3	3	0	BB		
18.	00113007	Kỹ năng mềm	3	2	1	BB		12113040
<b>II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>76</b>					
<b>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>21</b>	<b>14</b>	<b>7</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>			
19.	12113040	Quản trị học	3	2	1	BB		
20.	11113016	Nguyên lý kế toán	3	2	1	BB		
21.	11113017	Nguyên lý tài chính	3	2	1	BB		
22.	11113015	Marketing căn bản	3	2	1	BB		
23.	11113031	Tin học ứng dụng trong quản lý	3	2	1	BB		00113024
24.	08113024	Thương mại điện tử	3	2	1	BB		12113040 11113015
<b>Học phần tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)</b>			<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>			
25.	00113024	Quản trị chiến lược	3	2	1	TC		12113040
26.	11113023	Tài chính dự án và đầu tư	3	2	1	TC		11113017
27.	16113008	Nghệ thuật lãnh đạo	3	2	1	TC		12113040
28.	11113026	Thị trường chứng khoán	3	2	1	TC		11113017
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>27</b>	<b>18</b>	<b>9</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>21</b>	<b>14</b>	<b>7</b>			
29.	08113002	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	2	1	BB		12113040 11113015
30.	08113011	Marketing quốc tế	3	2	1	BB		11113015
31.	08113010	Luật thương mại quốc tế	3	2	1	BB		00113010
32.	08113004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	2	1	BB		00113007
33.	08113009	Logistics quốc tế	3	2	1	BB		00113016
34.	08113025	Tiếng Anh chuyên ngành KDQT	3	2	1	BB		00113016
35.	11113035	Thuế và ra quyết định tài chính	3	2	1	BB		11113016
<b>Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)</b>			<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>			



TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
36.	08113012	Môi trường kinh doanh toàn cầu	3	2	1	TC		
37.	08113003	Công ước và hiệp định thương mại quốc tế	3	2	1	TC		
38.	08113020	Tài chính quốc tế	3	2	1	TC		
39.	08113018	Quản trị quan hệ khách hàng	3	2	1	TC		
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành/ngành nâng cao (đối với các ngành không có chuyên ngành)</b>			<b>18</b>	<b>8</b>	<b>10</b>			
<b>2.3.1. Kiến thức chuyên ngành Ngoại thương</b>			<b>18</b>	<b>8</b>	<b>10</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>12</b>	<b>8</b>	<b>4</b>			
40.	08113021	Tập quán thương mại quốc tế	3	2	1	BB		00112021
41.	05113032	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	2	1	BB		12113040
42.	08113016	Quản trị dự án quốc tế	3	2	1	BB		12113040
43.	08113005	Đầu tư quốc tế	3	2	1	BB		12113040
<b>Học phần tự chọn (chọn học kỳ doanh nghiệp 1 hoặc 2/4 Học phần tự chọn)</b>			<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>			
44.	08116002	Học kỳ doanh nghiệp 1 (Trải nghiệm thực tế và thực hành môn học)	6	0	6	TC		12113040 11113015 11113031
45.	05113017	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2	1	TC		12113040 00113016
46.	08113028	Xúc tiến thương mại	3	2	1	TC		00113016
47.	16113003	Hành vi tổ chức	3	2	1	TC		11113015
48.	08113026	Truyền thông marketing quốc tế	3	2	1	TC		11113015
<b>2.3.2. Kiến thức chuyên ngành Kinh doanh xuất nhập khẩu</b>			<b>18</b>	<b>8</b>	<b>10</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>12</b>	<b>8</b>	<b>4</b>			
49.	08113017	Quản trị Kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2	1	BB		12113040
50.	08113027	Vận tải và bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu	3	2	1	BB		00112021
51.	08113013	Nghiệp vụ hải quan	3	2	1	BB		00112021
52.	08113019	Quản trị rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2	1	BB		12113040
<b>Học phần tự chọn (chọn học kỳ doanh nghiệp 1 hoặc 2/4 Học phần tự chọn)</b>			<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức			Bắt buộc/ Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học sau học phần
			Số TC	LT	TH			
53.	08116002	Học kỳ doanh nghiệp 1 (Trải nghiệm thực tế và thực hành môn học)	6	0	6	TC		12113040 11113015 11113031
54.	05113017	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2	1	TC		12113040 00113016
55.	08113028	Xúc tiến thương mại	3	2	1	TC		00113016
56.	16113003	Hành vi tổ chức	3	2	1	TC		11113015
57.	08113026	Truyền thông marketing quốc tế	3	2	1	TC		11113015
<b>2.4. Học kỳ doanh nghiệp/Đồ án tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>			
58.	0811409	Học kỳ doanh nghiệp 2	4	0	4	BB		08113002
<b>Chọn khóa luận tốt nghiệp hoặc 02 môn thay thế</b>			<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>			
59.	08116001	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	BB		00112021 08113002
60.	08113035	Kinh doanh số	3	2	1	BB		09113043
61.	11113010	Khởi sự doanh nghiệp	3	3		BB		08113002 00112021
<b>Tổng cộng</b>			<b>120</b>	<b>77</b>	<b>43</b>			

**Ghi chú:** Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và chuẩn đầu ra Tin học, Ngoại ngữ.

**V. Ma trận thể hiện sự đóng góp các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
1.	Triết học Mác Lênin	X											
2.	Kinh tế chính trị Mác Lênin	X											
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X											
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X									X	X	X
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	X									X	X	X
6.	Pháp luật đại cương	X									X	X	X

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
7.	Giáo dục thể chất	X											
8.	Giáo dục quốc phòng-an ninh	X									X	X	X
9.	Tiếng Anh 1	X	X										
10.	Tiếng Anh 2	X	X										
11.	Tiếng Anh 3	X	X										
12.	Tiếng Anh 4	X	X										
13.	Tiếng Anh 5	X	X										
14.	Khoa học máy tính và chuyển đổi số		X	X	X								
15.	Toán cao cấp	X											
16.	Kinh tế vi mô		X	X									
17.	Kinh tế vĩ mô		X	X									
18.	Kỹ năng mềm					X	X	X	X	X	X	X	X
19.	Quản trị học		X	X	X								
20.	Nguyên lý kế toán		X	X	X								
21.	Nguyên lý tài chính		X	X	X								
22.	Marketing căn bản		X	X	X								
23.	Tin học ứng dụng trong quản lý					X	X	X	X	X			
24.	Thương mại điện tử		X	X	X		X	X	X				
25.	Quản trị chiến lược			X	X		X		X				
26.	Tài chính dự án và đầu tư				X		X	X		X			
27.	Nghệ thuật lãnh đạo									X			
28.	Thị trường chứng khoán				X		X	X					
29.	Chiến lược kinh doanh quốc tế				X	X			X	X			
30.	Marketing quốc tế			X				X	X				
31.	Luật thương mại quốc tế		X	X		X	X		X				



TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
32.	Đàm phán kinh doanh quốc tế			X		X	X		X	X			
33.	Logistics quốc tế			X		X	X	X	X				
34.	Tiếng Anh chuyên ngành KDQT		X	X	X	X	X	X	X				
35.	Thuế và ra quyết định tài chính				X	X	X		X	X			
36.	Môi trường kinh doanh toàn cầu				X	X	X			X			
37.	Công ước và hiệp định thương mại quốc tế					X	X						
38.	Tài chính quốc tế				X	X	X			X			
39.	Quản trị quan hệ khách hàng				X	X	X			X			
40.	Tập quán thương mại quốc tế				X	X	X			X	X	X	X
41.	Quản trị Kinh doanh quốc tế				X	X	X			X	X		
42.	Quản trị dự án quốc tế				X	X							
43.	Đầu tư quốc tế			X	X					X			
44.	Học kỳ doanh nghiệp 1 (Trải nghiệm thực tế và thực hành môn học)					X	X	X	X	X	X	X	X
45.	Phân tích hoạt động kinh doanh				X	X	X			X	X		
46.	Xúc tiến thương mại					X	X	X	X				
47.	Hành vi tổ chức				X	X				X	X		
48.	Truyền thông marketing quốc tế				X	X	X			X	X		
49.	Quản trị Kinh doanh xuất nhập khẩu				X	X	X			X			
50.	Vận tải và bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu				X	X	X			X			
51.	Nghiệp vụ hải quan				X	X	X	X	X				
52.	Quản trị rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu				X	X	X			X	X		
53.	Học kỳ doanh nghiệp 2					X	X	X	X	X	X	X	X
54.	Khóa luận tốt nghiệp					X	X	X	X	X	X	X	X
55.	Kinh doanh số		X	X	X	X	X	X	X	X			

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
		Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
		PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
56.	Khởi sự doanh nghiệp		X	X	X	X	X	X	X	X			

## VI. Phương thức giảng dạy và học tập

Chương trình này được triển khai giảng dạy theo phương pháp dạy học tích cực, với việc sử dụng đa dạng chiến lược dạy và học như Chiến lược kỹ năng tư duy (Thinking Skills Strategies), Chiến lược dựa trên hoạt động (Activity-Based Strategies), Chiến lược hợp tác (Cooperative Strategies) và Chiến lược học tập độc lập – tự học (Independent Learning Strategies). Nhiều môn học sử dụng các kỹ thuật của Chiến lược kỹ năng tư duy (Thinking Skills Strategies) như Tập kích não (Brainstorming) để thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo, đặc biệt là phát triển ý tưởng sáng tạo trong ra quyết định, trong các giải pháp kinh doanh và khởi nghiệp. Phương pháp Nghiên cứu tình huống (Case Study) cũng được sử dụng mạnh mẽ, với đa dạng các tình huống (Cases) của các tập đoàn trong và ngoài nước, các tình huống được cập nhật hàng kỳ, thích nghi với sự phát triển nhanh chóng của môi trường kinh doanh. Chương trình đào tạo Kinh doanh quốc tế cũng sử dụng mạnh mẽ hình thức Tham luận (Guest Speaker), với khách mời là các doanh nhân, nhà quản trị, là cựu sinh viên. Thông qua hình thức này, sinh viên có thể có những bài học thực tế.

Với đặc thù ngành nghề, nhà quản trị tương lai cần phát triển các năng lực về giao tiếp, truyền thông, phát huy khả năng linh hoạt, sáng tạo... Để hỗ trợ người học đạt được các năng lực này, Chương trình đào tạo Quản trị Kinh doanh đã sử dụng thường xuyên phương pháp Thuyết trình (Oral Presentation) và Tranh luận (Debates), nhằm tăng cường các kỹ năng cho sinh viên như giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Sinh viên của chương trình còn được tham gia đa dạng vào các hoạt động Đi thực tế (Field Trip), tới nhiều doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác nhau để tìm hiểu nhiều nội dung đa dạng liên quan đến nội dung môn học.

Các phương pháp như Thảo luận (Discussion) và học nhóm (Teamwork Learning) cũng được sử dụng xuyên suốt trong nhiều môn học từ năm 1 tới năm cuối, nhằm thúc



đẩy sinh viên tương tác với nhau, và sau đó đưa vào áp dụng trong công việc thực tế.

Đặc biệt, để thúc đẩy tinh thần kinh doanh và khởi nghiệp, Chương trình đào tạo Kinh doanh quốc tế còn phát triển các hoạt động dạy và học thông qua việc phát triển các dự án kinh doanh thử nghiệm, thúc đẩy người học có trải nghiệm thực tế với thị trường, với khách hàng. Người học còn được gặp gỡ các doanh nhân, chuyên gia khởi nghiệp thông qua các buổi Cố vấn (Mentoring) để trao đổi, học hỏi về ý tưởng và giải pháp kinh doanh.

Ứng dụng Công nghệ thông tin cũng là một phần không thể thiếu trong Chương trình đào tạo Kinh doanh quốc tế. Ứng dụng công nghệ thông tin không chỉ là một nội dung giảng dạy được cập nhật liên tục trong chương trình mà nó còn là công cụ được sử dụng thường xuyên để hỗ trợ việc dạy và học, thúc đẩy người học phát triển năng lực tự học. Với chương trình đào tạo này, sinh viên tích cực sử dụng các công cụ, phần mềm trực tuyến hỗ trợ cho quá trình học (Elearning, Moodle, Facebook, Google Drive ...)

Việc sử dụng đa dạng phương pháp dạy và học sẽ hỗ trợ tích cực người học đạt được các PLOs.

<b>Chiến lược dạy và học</b>	<b>Mô tả và áp dụng</b>	<b>Phương pháp dạy và học</b>
Giảng dạy trực tiếp	- Mô tả: hầu hết các học phần lý thuyết trong CTĐT ngành KDQT có sử dụng phương pháp thuyết trình (thuyết giảng), vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà cho sinh viên và kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận, seminar. - Áp dụng: hầu hết các học phần lý thuyết trong CTĐT có sử dụng phương pháp này	Thuyết giảng Giải thích cụ thể Bài giảng trực tiếp Thảo luận Câu hỏi gợi ý Hướng dẫn mẫu Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	- Mô tả: một số học phần trong khối kiến thức chuyên ngành được giảng dạy gián tiếp, giảng viên ít có sự can thiệp vào quá trình học của sinh viên, các môn học được chọn lựa trong CTĐT ngành KDQT có thể được tiến hành theo phương pháp dạy dựa trên vấn đề, yêu cầu đề bài thực tập, tình huống, người học được tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật	Đặt vấn đề Ra yêu cầu đề bài Tình huống Nghiên cứu giải quyết vấn đề Nghiên cứu giải quyết tình huống Xây dựng ý tưởng



Chiến lược dạy và học	Mô tả và áp dụng	Phương pháp dạy và học
	<p>chất, môi trường thực tập và nguồn lực khác cho hoạt động học tập các học phần này.</p> <p>- Áp dụng: các học phần thực tập nghề nghiệp, thực tập cuối khoá, tiểu luận môn học, luận văn tốt nghiệp có trong CTĐT.</p>	Kế hoạch
Học tập qua trải nghiệm	<p>- Mô tả: một số học phần có trong CTĐT ngành Kinh doanh quốc tế được thiết kế học tập trải nghiệm thuộc khối kiến thức chung của ngành và chuyên ngành, sinh viên được trang bị học tập thực hành tại phòng thực hành nghề, phần mềm mô phỏng nghiệp vụ, học tập thực tế tại thị trường và doanh nghiệp.</p> <p>- Áp dụng: các học phần thực tập có sử dụng phần mềm ứng dụng trong doanh nghiệp hay trong công tác nghiên cứu thị trường, tiểu luận môn học, thực tập cuối khoá tại doanh nghiệp, khóa luận tốt nghiệp</p>	<p>Học qua mô phỏng</p> <p>Hình ảnh tập trung</p> <p>Đóng vai</p> <p>Tranh luận</p> <p>Thực tế</p> <p>Thực nghiệm</p>
Giảng dạy định hướng hợp tác nhóm	<p>- Mô tả: được thực hiện hầu hết trong các học phần của CTĐT ngành KDQT. Sinh viên được giao bài tập, câu hỏi thảo luận nhóm, thuyết trình theo nhóm.</p> <p>- Áp dụng: ở hầu hết các học phần lý thuyết thuộc khối kiến thức đại cương và chuyên ngành, mỗi học phần lý thuyết thường được bố trí 2-3 buổi thảo luận trực tiếp trên lớp và 2-3 buổi trực tuyến tùy thuộc vào thời lượng của mỗi học phần. Một số học phần thực hành cũng được giảng viên tổ chức cho thực hành theo nhóm, thực tập cuối khoá tại doanh nghiệp cũng có thể được tổ chức theo nhóm</p>	<p>Câu hỏi/yêu cầu, gợi mở</p> <p>Tranh luận</p> <p>Thảo luận</p> <p>Giải quyết vấn đề</p> <p>Công não</p> <p>Học tập nhóm</p> <p>Tương tác, phản hồi</p>
Học tập độc lập/tự học	<p>- Mô tả: được thực hiện ở các học phần mà sinh viên được giảng viên giao bài tập cá nhân, bài tập lớn, đề tài tiểu luận, đề tài nghiên cứu (SV được GV tư vấn</p>	<p>Bài tập cá nhân/ phân công công việc cá nhân</p> <p>Đánh giá bài tập lớn</p>

Chiến lược dạy và học	Mô tả và áp dụng	Phương pháp dạy và học
	<p>hướng dẫn lựa chọn đề tài nghiên cứu khoa học).</p> <p>Yêu cầu sinh viên phải năng động mới có thể hoàn thành yêu cầu học tập độc lập.</p> <p>- Áp dụng: các học phần có bài tập lớn, thiết kế trong môn học khóa luận tốt nghiệp, trình bày khóa luận, các tiểu luận môn học, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo môn học, trình bày kế hoạch và học tập tự do – tự nghiên cứu tài liệu tham khảo có liên quan.</p>	<p>Đề tài nghiên cứu/ luận văn/ dự án nghiên cứu</p>
<p>Ứng dụng dựa trên kết hợp công nghệ/phương tiện truyền thông</p>	<p>- Mô tả: sử dụng các công nghệ giảng dạy điện tử, di động và phần mềm ứng dụng giảng dạy trực tuyến trong việc dạy và học. Hầu hết các học phần trong CĐT được thực hiện dựa trên việc kết hợp bài giảng, tài liệu, hình ảnh, âm thanh, video, các nguồn tài nguyên web, các thiết bị tương tác trực tuyến... trong bài học. Các học phần trong CTĐT được tổ chức giảng dạy trực tiếp kết hợp với trực tuyến (Blended Learning).</p> <p>- Áp dụng: Áp dụng với hầu hết các học phần trong CTĐT.</p>	<p>Phương pháp học trực tuyến dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin</p> <p>Giảng viên và sinh viên sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy và học (LMS, E learning, google meet, Facebook, Zalo ...)</p>

## VII. Phương pháp đánh giá người học

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác độ mức độ đạt được CDR của học phần từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CDR của chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng. Với mỗi học phần trong chương trình đào tạo, người học được đánh giá xuyên suốt cả quá trình thông qua điểm đánh giá chuyên cần, điểm kiểm tra định kỳ, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần. Để đảm bảo việc đánh giá chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục quá trình học tập của người học mỗi học phần đều được nêu rõ các phương pháp đánh giá, thời điểm đánh giá, trọng số điểm cụ thể trong đề cương chi tiết học phần có trong chương trình đào tạo. Các yêu cầu và tiêu chí của từng



phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho sinh viên vào tiết học đầu tiên.

Sau đây là những phương pháp đánh giá được áp dụng chính trong chương trình đào tạo ngành KDQT:

(1). Đánh giá chuyên cần - Attendance Check: Đánh giá việc có mặt thường xuyên của sinh viên và những đóng góp từ sinh viên trong suốt môn học cũng thể hiện thái độ của người học đối với học phần đó. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành KDQT đều phải áp dụng phương pháp này.

(2). Đánh giá bài tập – Work Assignment: Người học được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được hoàn thành bởi cá nhân hoặc nhóm và được cho điểm dựa vào những tiêu chí đã được thông báo trước.

(3). Đánh giá thuyết trình – Oral Presentation: Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan tới hoạt động thuyết trình trong giờ học hoặc sau giờ lên lớp. Các hoạt động này được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và cũng được đánh giá theo tiêu chí cụ thể mà giảng viên nêu ra ở buổi học đầu tiên của học phần.

(4). Đánh giá theo hình thức tự luận - Essay: Người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của học phần.

(5). Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm - Multiple choice exam: Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, tuy nhiên điểm khác biệt là sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

(6). Đánh giá theo hình thức thi vấn đáp – Oral Exam: Người học được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp với giảng viên được phân công đánh giá. Phương pháp này được sử dụng trong một số học phần đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức và kỹ năng thuyết trình. Phần lớn các học phần trong chương trình đào tạo nếu áp dụng hình thức học trực tuyến cũng áp dụng hình thức đánh giá này. Tất cả các học phần áp dụng kiểm tra vấn đáp đều có ngân hàng câu hỏi, có tiêu chuẩn và thang điểm đánh giá cụ thể.

(7). Đánh giá theo hình thức thực hành (hoạt động) – Performance test: Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số thao tác cụ thể, kỹ thuật theo yêu cầu về kiến thức và kỹ



năng của học phần. Phương pháp đánh giá này được áp dụng cho các học phần thực hành nghề nghiệp có áp dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành để phân tích và xử lý dữ liệu, tin ứng dụng trong kinh doanh.

(8). Đánh giá theo hình thức viết báo cáo - Written Report: Người học được giảng viên yêu cầu viết báo cáo dựa trên việc thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin theo một phương pháp nhất định. Viết báo cáo thường được sử dụng sau khi người học thực hiện các bài thực hành cụ thể trong các học phần thực hành nghề nghiệp, đi thực tập thực tế tại doanh nghiệp đối với học phần thực tập cuối khoá hoặc nghiên cứu một tình huống cụ thể.

(9). Đánh giá theo hình thức khảo sát thực địa, thực tập - Fieldwork, Internship: Gồm các hoạt động thực tập thực tế để đánh giá người học thông qua các nhiệm vụ cụ thể tại cơ sở làm việc. Phương pháp này được sử dụng để đánh giá kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu công việc tại cơ sở thực tập. Việc đánh giá được thực hiện bởi giảng viên hoặc cán bộ trực tiếp giám sát tại nơi làm việc.

(10). Đánh giá theo hình thức báo cáo khóa luận – Graduation Thesis/Report: Trong phương pháp này, người học được đánh giá thông qua bài báo cáo trước Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên thuyết trình báo cáo khóa luận của mình trước Hội đồng, giảng viên phản biện và các thành viên Hội đồng nhận xét và đặt câu hỏi. Sinh viên trả lời trực tiếp câu hỏi. Phương pháp đánh giá này được sử dụng trong học kỳ cuối của chương trình đào tạo để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ đối với những sinh viên đủ điều kiện thực hiện và bảo vệ khóa luận theo quy định. Hội đồng đánh giá sẽ cho điểm theo các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể trong Quyết định... của Khoa (nếu có) về việc hướng dẫn và đánh giá khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên đại học chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2024

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



*Nguyễn Văn Hiến*

**TRƯỞNG KHOA**

*Bauk*

*T.S Phạm Châu Thành*